

PHÂN TÍCH VÀ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP, HOẠT ĐỘNG, HỢP TÁC ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

Với mục tiêu “đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao” mà Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội thời kỳ 2021-2030 đặt ra, năng suất lao động trung bình của Việt Nam sẽ phải tăng nhanh dựa trên việc tận dụng một cách có hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, trái ngược với thành tựu đáng kể về tăng trưởng kinh tế và gia tăng nguồn nhân lực, chất lượng của hệ thống giáo dục đại học vẫn rất hạn chế với năm điểm yếu then chốt được Ngân hàng Thế giới (2020) chỉ ra, gồm: (1) Tiếp cận giáo dục đại học của Việt Nam ở mức thấp; (2) Chương trình và phương pháp sư phạm theo kiểu truyền thống, hạ tầng ICT kém phát triển, và hệ thống quản trị nhân lực chất lượng cao bất cập; (3) Mức độ nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thấp so với các nước trong khu vực; (4) Hệ thống quản trị quốc gia về giáo dục đại học bị phân mảnh cao độ trong khi hệ thống văn bản pháp quy chồng chéo, phức tạp và kiểm soát hành chính quá mức đối với các cơ sở giáo dục đại học; (5) Chi tiêu công cho giáo dục đại học thuộc nhóm thấp nhất trong khi tỷ lệ phụ thuộc vào học phí cao nhất trong khu vực.

Việc tạo ra các rào cản gia nhập thị trường thông qua các yêu cầu điều kiện bất cập như đã chỉ ra ở trên đã làm môi trường kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam trở nên kém cạnh tranh, chi phí cao, chất lượng thấp so với các quốc gia trong khu vực. Tuy vậy, giá cả dịch vụ giáo dục đại học “quốc tế” ở Việt Nam vẫn thuộc nhóm cao trên thế giới và trong khu vực, đứng thứ 13 thế giới và thứ 5 ở châu Á đối với “trường quốc tế”. Học phí các trường đại học “quốc tế” ở Việt Nam đắt hơn nhiều so với các trường đại học quốc tế nằm trong các bảng xếp hạng danh tiếng của THE hay QS của các nước trong khu vực (Bảng 2). Đồng thời, số lượng sinh viên Việt Nam lựa chọn du học quốc tế tiếp tục gia tăng mạnh, tăng gần gấp đôi trong 5 năm, từ khoảng 52.000 sinh viên năm 2012 lên gần 95.000 sinh viên năm 2017, duy trì vị trí TOP 5 thế giới (Hình 1).

Bảng 2: So sánh tương quan giữa học phí và chất lượng giáo dục đại học của các trường quốc tế trong khu vực và tại Việt Nam năm 2021

ST T	Quốc gia	Tên trường	Mức học phí trung bình đối với bậc đại học (triệu đồng)	Xếp hạng theo THE (2021-2022)
1	Malaysia	Đại học Nottingham Malaysia	315	158
2	Đài Loan	Đại học Quốc gia Đài Loan	113,8	113
3	Indonesia	Đại học Gadjah Mada	113,7	1201
4	Trung Quốc	Đại học Thanh Hoa	99,3	16
5	Singapore	Đại học Quốc gia Singapore	446,6	21
6		Đại học Công nghệ Nanyang	635,3	46
7	Nhật Bản	Đại học Tokyo	105,8	35
8	Hàn Quốc	Viện Khoa học và Công nghệ Tiên tiến Hàn Quốc (KAIST)	159,4	99
9	Hong Kong	Đại học Hồng Kông	423,5	30
10		Đại học Khoa học và Công nghệ Hồng Kông ((HKUST)	410,1	56
11	Việt Nam	Đại học Fulbright Việt Nam	467,6	Không có xếp hạng
12		Đại học VinUni	812	Không có xếp hạng
13		Đại học Anh Quốc	204,5	Không có xếp hạng

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

Các yêu cầu điều kiện kinh doanh ngặt nghèo đang cản trở tính cạnh tranh của thị trường để hạ giá học phí và nâng cao chất lượng dịch vụ. Hàng chục các yêu cầu điều kiện hoạt động khó khăn, tính khả thi thấp về vốn đầu tư, về cơ sở vật chất (diện tích đất tối thiểu), về đội ngũ giảng viên, về chương trình đào tạo đang tạo ra rào cản gia nhập thị trường rất cao, chi phí tuân thủ quy định rất lớn cho các nhà đầu tư khu vực tư nhân cả trong và ngoài nước, khiến Việt Nam trở nên ít hấp dẫn đối với các cơ sở giáo dục nước ngoài có uy tín trên thế giới, môi trường đầu tư kém cạnh tranh so với các nước trong khu vực.

- Về yêu cầu điều kiện đối với **vốn đầu tư thành lập trường**, Việt Nam có thu nhập bình quân đầu người chỉ gần 2.800 USD (2020) nhưng luật yêu cầu điều kiện về vốn đầu tư tối thiểu là 1.000 tỷ đồng (không bao gồm các chi phí sử dụng đất) (tương đương 43 triệu đô-la Mỹ). Trong khi đó, Singapore có thu nhập bình quân đầu người gần 60.000 đô-la Mỹ (2020) chỉ yêu cầu mức vốn đầu tư tối thiểu 100.000 đô-la Singapore (tương đương 1,7 tỷ đồng hoặc 74.000 đô-la Mỹ) và Malaysia với thu nhập bình quân đầu người 10.400 đô-la Mỹ (2020), yêu cầu về vốn đầu tư tối thiểu với trường quốc tế là 1 triệu Ringgit, tương đương 5,4 tỷ đồng hoặc 239.000 đô-la Mỹ.
- Yêu cầu điều kiện về **diện tích đất tối thiểu** để cấp phép thành lập và hoạt động là một yêu cầu không hợp lý khác. Với yêu cầu điều kiện về diện tích đất tối thiểu của cơ sở giáo dục đại học cần đạt 25m²/sinh viên, các trường đại học công lập lâu đời, uy tín hàng đầu tại Việt Nam như đại học Bách Khoa Hà Nội, Bách Khoa Tp Hồ Chí Minh, Kinh tế Quốc dân Hà Nội v.v..cũng đang không đáp ứng được yêu cầu điều kiện này nhưng vẫn đang hoạt động.
- Cũng liên quan đến yêu cầu điều kiện về cơ sở vật chất, địa điểm, quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 18 Nghị định 86/2018/NĐ-CP về việc “**liên kết đào tạo không được tổ chức ngoài trụ sở chính của cơ sở giáo dục Việt Nam**” là không hợp lý vì khi đó, các cơ sở giáo dục, trong đó có cơ sở giáo dục đại học trong nước không thể tổ chức các chương trình liên kết với nước ngoài tại các phân hiệu, bất kể quy mô đầu tư, mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, thiết bị của phân hiệu. Trong thực tế, ở các địa phương, cơ sở giáo dục đại học có thể đầu tư cơ sở vật chất cho phân hiệu tốt hơn nhiều so với trụ sở chính do đất đai dễ tiếp cận hơn và chi phí đất đai rẻ hơn rất nhiều so với chi phí đất tại các thành phố lớn như Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh. Quy định như tại Điểm c Khoản 1 Điều

18 Nghị định 86/2018/NĐ-CP sẽ hạn chế việc nhanh chóng cải thiện chất lượng giáo dục đại học và trình độ nhân lực của các tỉnh, thành phố ngoài Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, làm tăng chi phí tiếp cận giáo dục đại học chất lượng cao của người dân ở các địa phương.

- Trong 10 yêu cầu điều kiện về **chương trình đào tạo** của trường có vốn đầu tư nước ngoài hoặc liên kết nước ngoài, có 8 yêu cầu chưa được định nghĩa và xác định bằng các tiêu chí cụ thể (*không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam*);

Trên thế giới, không có nhiều quốc gia đã thành công trong việc thương mại hóa lĩnh vực giáo dục đại học. Khảo sát kinh nghiệm thành công của hai mô hình với tiếp cận khác biệt, Malaysia và Singapore, hai quốc gia thành viên ASEAN, nghiên cứu rút ra một số gợi ý tham khảo cho Việt Nam như sau:

- Kinh nghiệm thành công của Malaysia và Singapore đều cho thấy cách tiếp cận và sự công nhận của Chính phủ về vai trò của giáo dục đại học như một **ngành dịch vụ thương mại xuất khẩu có giá trị và tốc độ tăng trưởng cao**, có đóng góp lớn vào phát triển kinh tế cả ngắn hạn và dài hạn để từ đó xây dựng môi trường chính sách, quy định hấp dẫn để tăng tính cạnh tranh nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực giáo dục đại học.
- *Thứ hai*, thừa nhận vai trò quan trọng có tính quyết định của **khu vực tư nhân**, đặc biệt là sự tham gia của các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài để đạt mục tiêu tăng tốc cải thiện chất lượng giáo dục đại học trong nước. Để rút ngắn thời gian hàng thập kỷ xây dựng uy tín học thuật của nhà trường, cả Malaysia và Singapore cũng như các trường đại học trong nước của hai nước này đều đã lựa chọn chiến lược thu hút và hợp tác với các trường đại học đẳng cấp trên thế giới để nhanh chóng mang thương hiệu, chất lượng của đại học phương Tây, từ đó nhanh chóng nâng cao uy tín của các trường đại học trong nước và thu hút thêm sinh viên cả trong nước lẫn quốc tế. Khi thừa nhận vai trò của khu vực tư nhân trong nước và quốc tế trong phát triển giáo dục đại học, cả Malaysia và Singapore đều đã gỡ bỏ tối đa các rào cản gia nhập thị trường giáo dục đại học theo hướng kiểm soát đầu vào, tập trung vào các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả mang tính thực dụng như sự cải thiện xếp hạng của các trường đại học trong bảng xếp hạng uy tín quốc tế; cải thiện về số lượng sinh viên (trong nước và quốc tế); việc làm sau

tốt nghiệp; việc làm mới tạo ra...cũng như đảm bảo việc tuân thủ công khai, minh bạch thông tin tương tự cách thức quản lý các doanh nghiệp.

- Thứ ba, **mô hình Malaysia** dường như phù hợp hơn với các nước đang phát triển không có nhiều vốn đầu tư và không có năng lực quản trị nhà nước xuất sắc như Việt Nam. Mô hình Malaysia có nhược điểm là sự cải thiện và tiến triển chậm hơn nhưng được đánh giá là bền vững hơn do xây dựng được năng lực nội sinh cho các cơ sở giáo dục đại học thông qua cơ chế cạnh tranh thị trường. Như đã đề cập ở trên, Malaysia không ban hành nhiều chính sách ưu đãi cho giáo dục đại học tư thục, tuy nhiên, xét về việc kết hợp giữa sở hữu tư nhân và mở cửa tự do hóa, đa dạng các mô hình và lựa chọn giáo dục có được từ các đạo luật quan trọng về giáo dục đại học ban hành năm 1996, Malaysia có thể được xem là thị trường tư nhân hóa nhiều nhất trên thế giới. Chính quá trình tư nhân hóa này tự thân dẫn đến các chiến lược quốc tế hóa giáo dục khi các trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng đại học và trường đại học của Malaysia trở nên năng động, đổi mới trong các thỏa thuận nhượng quyền thương mại và liên kết với các trường đại học nước ngoài. Họ cũng chủ động trong nỗ lực thu hút sinh viên quốc tế đến Malaysia và thậm chí mở chi nhánh ở nước ngoài. Sự tham gia của Chính phủ tập trung vào việc gỡ bỏ các rào cản thể chế được đánh giá là cách tiếp cận bền vững hơn, tuy chậm, so với cách tiếp cận “từ trên xuống” trong đó Chính phủ đóng vai trò chủ đạo nhưng cũng thường hay thất bại với các dự án “voi trắng”, các sai lầm trong việc “chọn người thắng cuộc” để hỗ trợ và tham nhũng.

Khuyến nghị chính sách

Kết quả phân tích hệ thống quy định hiện hành, thực trạng chất lượng và chi phí giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay cũng như kinh nghiệm quốc tế, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị như sau:

1. **Loại bỏ các quy định không hợp lý về phân loại các loại hình cơ sở giáo dục nói chung, cơ sở giáo dục đại học nói riêng.** Theo đó, đề xuất thống nhất hai loại hình nhà trường phân loại theo hình thức sở hữu trong hệ thống giáo dục quốc dân là trường công lập và trường tư thục, đồng thời sửa Điều 47 Luật Giáo dục 2019 và Điều 5 Luật Giáo dục Nghề nghiệp 2014 (theo hướng giống Điều 7 Luật Giáo dục Đại học 2012, sửa đổi 2018).

2. **Loại bỏ các quy định không thống nhất về loại hình cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục đại học tư thục “hoạt động không vì lợi nhuận”.**
Quy định rõ loại hình cơ sở giáo dục đại học tư thục bao gồm “cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động vì lợi nhuận” và “cơ sở giáo dục đại học tư thục không vì lợi nhuận”. Đề xuất áp dụng các tiêu chuẩn, tiêu chí, điều kiện hoạt động tối thiểu áp dụng nhất quán không phân biệt thành phần kinh tế (cơ sở giáo dục đại học do nhà đầu tư tư nhân trong nước thành lập hay do nhà đầu tư nước ngoài thành lập) hay mục đích phân phối lợi nhuận (hoạt động vì mục đích sinh lợi nhuận hay hoạt động không vì lợi nhuận).
3. **Cắt giảm các yêu cầu điều kiện về vốn đầu tư** đối với cơ sở giáo dục đại học về mức tương tự các nước trong khu vực, không phân biệt thành phần sở hữu. Thực hiện đề xuất này, đề nghị sửa đổi Điều 35 NĐ 86/2018/NĐ-CP và Điều 87 NĐ 46/2017/NĐ-CP liên quan đến yêu cầu điều kiện về vốn đầu tư đối với cơ sở giáo dục đại học.
4. **Cắt giảm các yêu cầu điều kiện về cơ sở vật chất** liên quan đến diện tích đất và diện tích xây dựng tối thiểu quy định tại Điều 36 Nghị định 86/2018/NĐ-CP, Nghị định 135/2018/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 91 Nghị định 46/2017/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 87 Nghị định 46/2017.
5. **Tăng cường phân cấp, phân quyền trong quy trình thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giáo dục đại học**, bao gồm quy trình thủ tục thành lập, hoạt động, chấm dứt hoạt động, chia, tách, sáp nhập, liên kết, chuyển đổi, đổi tên trường đại học, chính sách với giảng viên hay thống kê, phân loại lĩnh vực đào tạo. Đề nghị rà soát, sửa đổi các quy định hiện hành tại các Điều 52, Điều 68 Luật Giáo dục 2019; Điều 27, Điều 56 Luật Giáo dục Đại học 2012, Điều 88 Nghị định 46/2017/NĐ-CP, Điều 34 và Điều 40 Nghị định 86/2018/NĐ-CP, Điều 94 và Điều 96 Nghị định 46/2017/NĐ-CP, các Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị định 99/2019/NĐ-CP v.v.. theo hướng giao Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo, chính quyền địa phương hay nhà đầu tư cơ sở giáo dục đại học (ví dụ với quy định về tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư là thuộc thẩm quyền của các trường tại các nước phát triển) quyết định và chịu trách nhiệm thay vì Thủ tướng Chính phủ để rút ngắn thời gian ra quyết định, giảm chi phí tuân thủ quy định, đảm bảo quyền tự chủ, phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm, công

khai, minh bạch và tăng cường hiệu quả, sức cạnh tranh trong lĩnh vực giáo dục đại học.

REVIEWING ADEQUACIES OF LEGAL REQUIREMENTS ON LICENSING, OPERATIONS AND FOREIGN COOPERATION OF HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS IN VIETNAM

In Vietnam, education and training has always been considered as the top national policy, having the power to raise intellectual level, developing human resources, fostering talents, contributing to socio-economic growth, culture and identity. There is unanimity that Vietnam's higher education sector needs the most drastic reform, stemming from society's general perception of the weakness of Vietnam's higher education and its low development level compared to the region and the world. The World Bank (2020) has pointed out key weaknesses of Vietnam's higher education system, including i) The low level of access to higher education; ii) The backward curriculum and pedagogy, underdeveloped ICT infrastructure, and inadequate high-quality human resource management system; iii) The low level of research and technology transfer; iv) The highly fragmented national governance system for higher education in combination with the overlapping, complicated and excessive bureaucratic administrative control regulatory system; v) Poor public expenditure on higher education.

The high barriers to market entry has made the business environment in the higher education sector in Vietnam less competitive, cost high, low quality compared to other countries in the region. Despite low quality, the price of international higher education services in Vietnam is among the highest in the world and in the region, ranking 13th in the world and 5th in Asia for international schools. Tuition fees for “international” universities in Vietnam are much more expensive than those of international universities in the prestigious THE or QS rankings of regional countries (Table 2). At the same time, the number of Vietnamese students choosing to study abroad continues to increase sharply, nearly doubling in 5 years, from about 52,000 students in 2012 to nearly 95,000 students in 2017, maintaining the top 5 position in the world.

Table 2: Comparing tuition fees and the quality of higher education of international schools in Asia and Vietnam in 2021

No	Country	University	Average tuition fee for undergraduate (million VND)	Ranking of THE (2021-2022)
1	Malaysia	University of Nottingham Malaysia	315	158
2	Taiwan	National Taiwan University	113.8	113
3	Indonesia	Gadjah Mada University	113,7	1201
4	China	Tsinghua University	99.3	16
5	Singapore	National University of Singapore	446.6	21
6		Nanyang Technological University	635.3	46
7	Japan	The University of Tokyo	105.8	35
8	South Korea	Korea Advanced Institute of Science and Technology, Daedeok Campus	159.4	99
9	Hong Kong	The University of Hong Kong	423.5	30

10		The Hong Kong University of Science and Technology	410.1	56
11	Viet Nam	Fulbright University Vietnam	467.6	NA
12		VinUniversity	812	NA
13		British University Vietnam	204.5	NA

Source: Authors' compilation from university websites and THE rankings

In general, there is a consistency and transparency in Vietnam's strategic goals on human resource development, higher education development, and international cooperation to improve capacity and development level equivalent to other regional countries and globally. However, the promulgated goals are often vague while policies and regulations are inconsistent, ambiguous and inappropriate.

- Regarding the minimum capital requirement, while Vietnam has a per capita income of only nearly 2,800 USD (2020), it requires a minimum investment capital of 1,000 billion VND (excluding the cost of land) (equivalent to 43 million USD) for both domestic private and foreign ones. By contrast, Singapore has a per capita income of nearly 60,000 USD (2020) but it requires only a minimum investment capital of S\$100,000 (equivalent to VND1.7 billion or 74,000 USD), and Malaysia with a per capita income of 10,400 USD (2020), requires minimum investment requirements of 1 million Ringgit, equivalent to 5.4 billion VND or 239,000 USD for international schools.
- The minimum land area requirements are also unrealistic. With the requirement of 25m²/student, even the largest, oldest and most prestigious public universities in Vietnam such as Hanoi University of Science & Technology (HUST), The Ho Chi Minh City University of Technology, National Economics University (NEU) and so forth cannot meet this requirement but they are still operating. In the region, Singapore and Hong Kong do not require a minimum land area while Malaysia

stipulates a minimum land area for international private schools of 5 acres or 2 hectares. India in 2016 abolished the minimum land area requirement for universities which was of 5 acres (2 hectares) with schools located in the city and 10 acres (4 hectares) in the countryside. The fact that the above-mentioned countries do not set a high minimum capital for higher education institutions shows that this is not a decisive condition for the educational quality of higher education.

- Also related to the requirements for conditions on physical facilities and locations, the provisions of Point c, Clause 1, Article 18 of Decree 86/2018/ND-CP on joint training must not be held outside the head office of Vietnamese educational institutions” is unreasonable because educational institutions, including domestic higher education institutions, cannot organize joint programs with foreign countries at their branches, regardless of the scale of investment, the level of responsiveness in terms of facilities and equipment of the branch. In fact, in localities, higher education institutions can invest in campus facilities much better than headquarters because the land is more accessible and the cost of land is much cheaper compared to big cities such as Hanoi and Ho Chi Minh City. Regulations like Point c, Clause 1, Article 18 of Decree 86 will limit the rapid improvement of the quality of higher education and the level of human resources in provinces and cities beside Hanoi and Ho Chi Minh City, increasing the cost of accessing higher education with high-quality for local people.
- Regarding training curriculum of foreign-invested institutions, 8 out of 10 requirements that have not been defined and determined by specific criteria (no content harmful to national defense, security, or community interests; no propagate religion, distort history; no adverse effect on Vietnamese culture, morality, fine customs and traditions).

Policy Recommendations

First, it is necessary to develop and publicly announce the country’s vision, specific goals, and action plans to develop the higher education sector as an exportable service sector in the period of 2021-2030. The plan should be developed on the basis of recognizing the current reality, clearly defining the needs of the country in the coming time, as well as understanding the global education market to design

consistent and reliable policies, creating an attractive investment environment for domestic and international investors.

Second, eliminating unreasonable, inconsistent, overlapping, and incomprehensive regulations on the classification of different types of educational institutions in general and higher education institutions in particular. Accordingly, it is proposed to unify the two types of schools classified by ownership in the national education system as public and private schools, and amend Article 47 of the Education Law 2019 and Article 5 of the Law On Vocational Education And Training in the same direction as Article 7 of the Law on Higher Education 2012, revised 2018.

Third, removing inconsistent regulations on types of private higher education institutions and private non-profit higher education institutions. Clearly defining the types of private higher education institutions, including for-profit private higher education institutions and non-profit higher education institutions. The report proposes to apply standards, criteria and minimum operating conditions consistently regardless of ownership (higher education institutions established by domestic private investors or by foreign investors) or purposes (for-profit or non-profit). The report proposes to abolish the content that allows investors at non-profit private educational institutions to receive income but not exceeding the Government bond interest rate prescribed in the same period specified at Point c, Article 2. 37 Decree 15/2019/ND-CP regulating a number of articles and measures to implement the Law On Vocational Education And Training in 2014 to be consistent with the “non-profit” regulations in the Education Law 2019 and the Law on Higher Education 2012, revised 2018; Article 8.71 Law on Higher Education 2012; Article 11.1 Law on Higher Education 2012, revised 2018.

Fourth, abolishing or reducing investment capital requirements for higher education institutions to the same level as other countries in the region, regardless of ownership. The fact that regional education hubs such as Malaysia or Singapore do not require minimum capital to operate higher education shows that this is not a decisive condition for the educational quality of the education and training institutions. These very high requirements for investment capital make the higher education business environment in Vietnam very unattractive to prestigious universities in the world which often possess strong academic resources but limited capital. Hence, it is proposed to amend Article 35 of Decree 86/2018/ND-CP and Article 87 of Decree 46/2017/ND-CP related to requirements for investment capital for higher educational institutions.

Fifth, abolishing or reducing the requirements on physical facilities related to the minimum land area and construction area specified in Article 36 of Decree 86/2018/ND-CP, Decree 135/ 2018/ND-CP Amending and supplementing Clauses 1 and 3 Article 91 of Decree 46/2017/ND-CP; Decree 135/2018/ND-CP amending and supplementing Clause 3, Article 87 of Decree 46/2017. It is proposed to amend the provisions at Point c, Clause 1, Article 18 of Decree 86/2018/ND-CP in the direction of allowing "joint training to be held at the head office and branch of the educational institution" because locally higher education institutions can even invest in facilities for their campuses much better than their headquarters as the land is more accessible and the cost of land is much cheaper than the cost of land in big cities such as Hanoi and Ho Chi Minh City, helping to rapidly improve the quality of higher education and the level of local human resources.

Sixth, strengthening decentralization in administrative procedures in the field of higher education, including procedures for establishment, operation, termination, division, separation, merger, association linking, converting, renaming universities, policies with lecturers or statistics, classification of training fields. It is proposed to review and amend the current regulations in Articles 52 and 68 of the Education Law 2019; Article 27, Article 56 Law on Higher Education 2012, Article 88 Decree 46/2017/ND-CP, Article 34 and Article 40 Decree 86/2018/ND-CP, Article 94 and Article 96 Decree 46/2017/ Decree 99/2019/ND-CP, Articles 2, 3, 4, 5, Decree 99/2019/ND-CP in the direction to have Minister of Education and Training, local authorities to hold responsibility instead of the Prime Minister to shorten decision-making time, reduce regulatory compliance costs, ensure autonomy, and promote initiative and creativity, accountability, publicity, transparency and enhance efficiency and competitiveness in the field of higher education.